TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2025
Về việc: *"Tranh chấp ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tuyển;

2. Bà Phan Thị Liên.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Ngọc Lan – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 28/11/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 145/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về "*Tranh chấp ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/10/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30/10/2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị T – Sinh năm: 1994;

Địa chỉ: Thôn P, xã H, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: 61 T, khu phố H, phường T, TPHCM. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Bị đơn: Anh Đặng Lê Minh T – Sinh năm: 1995;

Địa chỉ: Thôn P, xã H, tỉnh Đắk Lắk. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T với anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là UBND xã H1, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 28/11/2019 (GCNKH số 99/2019). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau cho đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đã ly thân 4 năm. Do bất đồng quan điểm, dẫn đến hay cãi vã. Nay chị T cảm thấy mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên xin ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Võ Trường S, sinh ngày 09/5/2020. Nay ly hôn chị T xin được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn Đặng Lê Minh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn trình bày: Về hôn nhân: Thống nhất ly hôn; về con chung: thống nhất giao con cho chị T tiếp tục nuôi; và yêu cầu Tòa xử vắng mặt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp ly hôn; bị đơn có hộ khẩu tại xã H1, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 13- Đắk Lắk theo quy định các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[1.2] Nguyên đơn chị Võ Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Đặng Lê Minh T đã được triệu tập hợp lệ và có gửi bản tự khai kèm theo yêu cầu được vắng mặt. Do đó, áp dụng các điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T với anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là UBND xã H1, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 28/11/2019 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 99/2019 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị T, anh T có mâu thuẫn cãi vã. Sự việc kéo dài đến năm 2021, cả hai đã tự sống xa nhau, không ai còn quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa nhiều lần triệu tập để vận động, hòa giải đoàn tụ nhưng anh T gửi văn bản trình bày ý kiến đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị T. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T, anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Võ Trường S, sinh ngày 09/5/2020. Nay ly hôn chị T xin được tiếp tục nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu S còn nhỏ hiện do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, do đó để đảm bảo cho cháu S phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần cần tiếp tục giao cháu Sinh cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản: Không yêu cầu nên không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng về yêu cầu xin ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39; 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn chị Võ Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Võ Thị T được ly hôn với bị đơn anh Đặng Lê Minh T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đặng Võ Trường S, sinh ngày 09/5/2020 cho chị Võ Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đặng Lê Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại phiếu thu số 0001763 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND KV 13 tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã H1, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mộng Tuyền